

QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM - LÀO: TIẾP CẬN TỪ GÓC ĐỘ LỢI ÍCH QUỐC GIA - DÂN TỘC

Đặng Đình Quý*
Thư trưởng Bộ Ngoại giao

Tóm tắt

Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào có nguồn gốc từ sự trùng hợp lợi ích chiến lược và sự tương đồng về ý thức hệ. Qua thời gian, quan hệ này không ngừng được xây dựng và vun đắp trên tất cả các lĩnh vực. Tuy nhiên, trong tình hình mới hiện nay, giữa Việt Nam và Lào đã xuất hiện sự khác biệt lợi ích trên một số vấn đề. Điều này dẫn tới nhu cầu nhận thức lại tính chất “đặc biệt” của quan hệ Việt - Lào. Dựa trên cách tiếp cận lợi ích quốc gia - dân tộc, bài báo đề xuất việc xem xét quan hệ Việt - Lào dưới ba góc độ và kiến nghị năm biện pháp để củng cố tính đặc biệt của quan hệ Việt - Lào.

Từ khóa: Quan hệ Việt Nam - Lào, đặc biệt, lợi ích quốc gia - dân tộc.

Trong các văn bản và phát biểu chính thức của Việt Nam và Lào, quan hệ Việt - Lào được nêu là “quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện”. Tính chất “đặc biệt” không chỉ gắn riêng với lịch sử quan hệ giữa hai nước, hai dân tộc, gắn bó trong một mối tình đoàn kết đặc biệt mà còn đi liền với các nội hàm đặc biệt trong tổng thể quan hệ giữa hai nước không có trong các mối quan hệ khác. Cho đến nay, cả Việt Nam và Lào chưa chính thức coi quan hệ với nước nào khác là “đặc biệt”. Về nguồn gốc của sự đặc biệt của quan hệ Việt - Lào, đã có một số công trình nghiên cứu, trong đó công trình toàn diện và đầy đủ

* PGS. TS., Thư trưởng Bộ Ngoại giao. Bài viết thể hiện quan điểm riêng của người viết.

nhất là cuốn Lịch sử Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007) do Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào đồng biên soạn.¹ Các công trình này đi sâu vào các nhân tố dân cư, xã hội, văn hóa và lịch sử để lý giải quá trình hình thành và phát triển của quan hệ đặc biệt giữa hai nước.

Bài viết này góp thêm một cách nhìn từ góc độ lợi ích quốc gia - dân tộc của từng nước, làm rõ hơn cơ sở của tính đặc biệt trong quan hệ hai nước, từ đó thảo luận về những vấn đề đặt ra đối với việc củng cố và phát huy mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước trong bối cảnh mới.

Lợi ích quốc gia - dân tộc và quan hệ “đặc biệt” trong quan hệ quốc tế

Lợi ích quốc gia - dân tộc bao gồm hai nhóm thành tố chính: các lợi ích an ninh là những điều kiện đảm bảo cho quốc gia - dân tộc tiếp tục tồn tại với lãnh thổ không bị xâm phạm, chia cắt, chính thể không bị đe dọa và không gian sinh tồn không bị thu hẹp. Các lợi ích phát triển là những điều kiện bảo đảm cho quốc gia - dân tộc tiếp tục phát triển với sức mạnh quốc gia ngày càng tăng, vị thế quốc tế ngày càng cao.

Trong quan hệ quốc tế, các nước đều coi việc bảo đảm lợi ích quốc gia - dân tộc là mục tiêu cao nhất. Vì lợi ích quốc gia - dân tộc, các nước sẽ lựa chọn hợp tác hay cạnh tranh, hòa bình hay chiến tranh. Thông thường, khi lợi ích trùng hợp, các nước sẽ hữu nghị và hợp tác; khi xung đột lợi ích, các nước sẽ mâu thuẫn và đối đầu. Khi tình trạng mâu thuẫn, đối đầu phát triển đến mức không giải quyết được thì các nước có thể sử

¹ Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007)* (Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2011).

dụng biện pháp chiến tranh.² Trong khi đó, trùng hợp lợi ích cơ bản và lâu dài là điều kiện đi đến hợp tác bền chặt và dần trở thành văn hóa ứng xử “hữu nghị, hòa bình”. Ngược lại, xung đột lợi ích lâu dài và quan hệ đi đến mức chiến tranh, chiếm đóng và nô dịch là gốc rễ của sự hận thù dân tộc.

Một số yếu tố, nhất là văn hóa và hệ giá trị ảnh hưởng tới cách thức các quốc gia theo đuổi lợi ích của mình trong quan hệ quốc tế. Văn hóa và hệ giá trị (tập thể và cá nhân, nhất là của các nhà lãnh đạo) của mỗi dân tộc hình thành trong quá trình hình thành và phát triển của dân tộc đó. Chúng chịu sự tác động của nhiều nhân tố, trong đó quan trọng nhất là điều kiện địa lý, lịch sử, và bề dày của giao lưu và tương tác với bên ngoài...³ Mặt khác, văn hóa và hệ giá trị lại có tác động đến cách thức các nước quan hệ với nhau dưới sự chi phối của lợi ích quốc gia. Như vậy, văn hóa ứng xử và hệ giá trị trong đối ngoại của các nước vừa chịu tác động từ quan niệm về lợi ích quốc gia - dân tộc, vừa góp phần hình thành phương cách các nước quan niệm về cách hiện thực hóa lợi ích quốc gia - dân tộc của mình trong quá trình tương tác với nhau. Nói cách khác, đây là mối quan hệ qua lại giữa lợi ích và phương thức thực hiện lợi ích của các nước trong quan hệ với nhau.

Lợi ích và cách theo đuổi lợi ích trong quan hệ tạo nên “tính đặc biệt” của các mối quan hệ. Trường hợp quan hệ Mỹ - Anh là một ví dụ điển hình. Thủ tướng Anh Winston Churchill là người đầu tiên mô tả

² Đặng Đình Quý, “Bàn thêm về lợi ích quốc gia - dân tộc trong quan hệ quốc tế,” *Đường lối đối ngoại Đại hội XI* (Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2011).

³ Phạm Xuân Sơn, “Vấn đề văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế,” ngày 11/5/2018, <http://ajc.hcmu.vn/Nghien-cuu-khoa-hoc/Van-de-van-hoa-trong-boi-can-hoi-nhap-quoc-te/25237.ajc>. Lương Đình Hải, “Xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay,” ngày 11/5/2018, https://vass.gov.vn/noidung/tintuc/lists/khoahoccongnghe/View_Detail.aspx?ItemID=15

quan hệ Anh - Mỹ là “đặc biệt.” Tháng 11/1945, báo The New York Times Herald trích lời Churchill: “Chúng ta không nên từ bỏ mối quan hệ đặc biệt với Mỹ và Ca-na-đa...” Tháng 3/1946, phát biểu tại Đại học Westminster, Churchill nói: “Cả triển vọng ngăn ngừa chiến tranh và sự nổi lên của tổ chức thế giới đều không thể có được nếu không có sự liên hiệp mang tính anh em của các dân tộc nói tiếng Anh. Điều này có nghĩa là một quan hệ đặc biệt giữa Liên hiệp Anh và Mỹ.”⁴ Trả lời tạp chí Times, nhà sử học Anthony Seldon cho rằng những nhân tố làm cho hai nước gắn bó với nhau trong nhiều thập kỷ qua là cùng chia sẻ lịch sử, cơ cấu chính phủ, lý tưởng và hợp tác quốc phòng. Ông nói, “nó (mối quan hệ đặc biệt) được tạo ra do sự đan xen của ba yếu tố: kẻ thù chung, quan hệ cá nhân giữa các nhà lãnh đạo và quan điểm ý thức hệ chung”.⁵

Phát biểu của Churchill và Seldon cho thấy tính chất “đặc biệt” của quan hệ Anh - Mỹ dựa trên song trùng lợi ích kinh tế và an ninh giữa hai nước và các điểm chung giữa hai nước về lịch sử (Mỹ tách ra từ Anh, phần lớn những người đầu tiên đến Mỹ định cư là người Anh), văn hóa (chung ngôn ngữ và chia sẻ hệ giá trị văn hóa và chính trị). Theo Seldon, sự đặc biệt của quan hệ Anh - Mỹ là kẻ thù chung và quan điểm ý thức hệ chung. Hai yếu tố này có vai trò rất quan trọng để Anh và Mỹ có quan niệm trùng nhau về lợi ích và phương cách thực hiện lợi ích vào một số thời điểm trong lịch sử. Song trùng lợi ích về kinh tế và an ninh có thể là nhất thời nhưng điểm tương đồng về văn hóa, trong đó có văn hóa chính trị lại có tính chất lâu dài. Tổng hợp của hai yếu tố này đã dẫn đến mối quan hệ đặc biệt giữa Anh và Mỹ. Cuối cùng, bề dày lịch sử của quan hệ cũng tạo ra tính chất đặc biệt trong quan hệ bởi suy cho cùng, nếu không

⁴ “What's the origin of the phrase ‘Special relationship?’,” ngày 11/5/2018, <https://www.phrases.org.uk/meanings/special-relationship.html>

⁵ Tara John, “Theresa May and Donald Trump on 5 other ‘special relationships,” ngày 11/5/2018, <http://time.com/4645140/donald-trump-theresa-may-special-relationships/>

có điều gì đặc biệt (liên quan đến lợi ích/giá trị/văn hóa như đã nêu trên) thì quan hệ sẽ chỉ là “thoáng qua”. Quan hệ càng lâu dài thì tính chất của mối quan hệ đó càng đặc biệt.

Quan hệ đặc biệt Việt - Lào trong lịch sử hiện đại: sự trùng hợp lợi ích từ lịch sử đến hiện tại

Khái niệm “đặc biệt” của quan hệ hai nước đã được chính Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra khi trao đổi với Chủ tịch Cay-xôn Phôm-vi-hản về quan hệ hai nước.⁶ Thời điểm quan hệ hai nước trở nên đặc biệt là khi Đảng Cộng sản Việt Nam rời Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời năm 1930.⁷ Từ đó đến nay, tính chất đặc biệt của quan hệ hai nước luôn được duy trì và phát triển vì hai bên có lợi ích trùng hợp. Trong hai cuộc kháng chiến, hai nước có cùng mục tiêu là giải phóng dân tộc, chống kẻ thù chung là giặc ngoại xâm, dưới sự lãnh đạo của hai Đảng với ý thức hệ giống nhau, do đó ứng xử “đặc biệt” với nhau. Chủ tịch Cay-xôn Phôm-vi-hản nói với cán bộ Lào: “Trong quá trình vận động cách mạng của hai nước anh em, mỗi quan hệ đặc biệt đã được xây dựng và không ngừng được vun đắp. Qua những thử thách trong sóng gió quyết liệt của thời kỳ chiến tranh chống Mỹ, tên đế quốc đầu sỏ hung ác nhất của nhân loại, mỗi quan hệ đặc biệt giữa Lào và Việt Nam chẳng những không ngừng được củng cố, tăng cường mà còn tạo thành sức mạnh không gì lay chuyển được. Trong thực tiễn đấu tranh lâu dài ấy, Đảng ta đã xác định điều đó như một quy luật của cách mạng nước ta.”⁸ Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ dạy cán bộ Việt Nam về phương châm giúp đỡ nước bạn Lào là “giúp bạn là mình tự giúp mình”, giúp bạn phải sao cho nâng cao năng

⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007)*: 743.

⁷ Tlđđ, trang 742. Xem thêm Ban Tuyên giáo Trung ương, *Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào (1930-2017)* (Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật 2017).

⁸ Cay-xôn Phôm-vi-hản, Bài phát biểu tại Hội nghị cán bộ toàn quốc ngày 13/5/1974, Tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

lực tự cường của bạn, phải trên nguyên tắc tôn trọng quyền độc lập, tự chủ, bình đẳng và dân chủ của cả hai bên.⁹ Theo đó, trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, Việt Nam và Lào đã trở thành liên minh chiến đấu đặc biệt và cùng nhau giành thắng lợi vào năm 1975.

Từ sau năm 1975, mục tiêu của hai nước đều là tái thiết đất nước và bảo vệ an ninh quốc gia. Lợi ích hai bên vẫn trùng hợp nhưng mang nhiều sắc thái mới. Về an ninh, thách thức từ bên trong trở nên quan trọng hơn so với thách thức từ bên ngoài. Trước kia, hai nước cùng nhau chống kẻ thù chung là xâm lược từ bên ngoài; nhưng từ sau năm 1975, mỗi nước phải đối phó với các thách thức an ninh riêng. Do đó, phạm vi và phương thức hợp tác giữa hai nước trong việc đối phó với các thách thức về an ninh, kể cả truyền thống và phi truyền thống cũng không giống như trước. Hơn nữa, đối với cả hai nước, sau khi đã giải phóng đất nước, mặc dù việc bảo đảm an ninh quốc gia vẫn là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục nhưng phát triển mới là nhiệm vụ vừa cấp bách vừa lâu dài. Về phát triển, thách thức chung là tái thiết đất nước sau chiến tranh, tiếp đó là phát triển kinh tế xã hội, sớm thoát khỏi tình trạng lạc hậu, bắt kịp các nước trong khu vực. Theo đó, quan hệ hai nước cũng chịu tác động của tình hình khu vực, thế giới và nhất là việc cả hai nước cùng trong quá trình chuyển đổi từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm giữ vững sự lãnh đạo của hai Đảng ở hai nước đã tạo cơ sở để hai bên cùng nỗ lực giữ gìn và củng cố tính chất “đặc biệt” của quan hệ. Nói cách khác, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa vẫn tạo nên sự trùng hợp lợi ích rất lớn giữa hai nước.

Do đó, quan hệ đặc biệt Việt - Lào tiếp tục được củng cố và tăng cường trên tất cả các lĩnh vực từ chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh đến đối ngoại. Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác giữa Việt Nam và Lào

⁹ Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007)*: 746.

được ký ngày 18/7/1977. Về quốc phòng - an ninh, từ việc giúp nhau ổn định tình hình, truy quét các nhóm chống đối có vũ trang trong những năm sau 1975, hai bên dần chuyển sang hỗ trợ nhau đào tạo bồi dưỡng, tăng cường năng lực phòng thủ ở các địa bàn trọng điểm, đối phó với các thách thức an ninh phi truyền thống, nhất là tội phạm xuyên biên giới... Về kinh tế, từ hình thức chủ yếu là Việt Nam cử chuyên gia và cấp viện trợ không hoàn lại, hai bên chuyển sang hợp tác tăng cường kết nối hai nền kinh tế, kết nối cơ sở hạ tầng, khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sang Lào. Đặc biệt, về chính trị, hai bên duy trì được sự tin cậy rất cao, các cơ chế hợp tác được củng cố và phát huy hiệu quả, các cấp, các ngành thường xuyên chia sẻ và phối hợp tốt ở mọi tầm mức, từ chiến lược đến chính sách, kế hoạch; quan hệ giữa lãnh đạo các cấp từ trung ương đến địa phương, nhất là các địa phương hai bên biên giới vẫn bền chặt.

Như vậy, trên cơ sở sự trùng hợp lợi ích chiến lược và đồng về ý thức hệ, hai bên đã sát cánh bên nhau, hy sinh cho nhau trong cuộc đấu tranh giải phóng, tiếp đó lại nương tựa vào nhau trong quá trình tái thiết, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời bình. Truyền thống hữu nghị nửa thế kỷ hợp tác bền chặt đến lượt mình lại càng làm sâu thêm nhận thức và chứng tỏ lợi ích có được từ mối quan hệ đặc biệt này. Ngày 18/7/2017, tại Lễ kỷ niệm 55 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 40 năm ngày ký Hiệp ước Hữu nghị Việt Nam - Lào, đồng chí Bun-nhăng Vo-la-chít, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào nói: truyền thống thủy chung gắn bó lâu đời giữa hai dân tộc, đặc biệt từ khi có Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, và sự gắn bó, hy sinh vì nhau trong suốt quá trình đấu tranh giành độc lập là cội nguồn của mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước.¹⁰

¹⁰ Lễ kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 40 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào, *Báo Nhân dân điện tử*, ngày 1/6/2018, <http://www.nhandan.org.vn/chinhtri/item/33505402-le-k%E1%BB%B7->

Từ sau năm 1986, cả hai nước Việt Nam và Lào đều bắt đầu quá trình đổi mới và mở cửa. Theo đó, hai nước chuyển đổi mô hình kinh tế và cùng mở cửa, hội nhập, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế với mục tiêu trung tâm là phát triển kinh tế, giữ ổn định chính trị, bảo vệ chế độ, an ninh quốc gia và giữ môi trường bên ngoài hòa bình, ổn định và hợp tác. Việt Nam và Lào đều trở thành thành viên của ASEAN. Đây là những điểm đồng lợi ích chiến lược để đảm bảo cơ sở “đặc biệt” trong quan hệ Việt - Lào vẫn tiếp tục vững chắc. Tuy nhiên, đã xuất hiện các vấn đề hai bên có lợi ích không trùng hợp. Việc Lào xây dựng các nhà máy thủy điện trên dòng chính sông Mê Công và tình hình liên quan đến Biển Đông là hai ví dụ điển hình.

Lào có dân số hơn 6,5 triệu người, kinh tế Lào phát triển chậm, GDP đầu người thấp, tỷ lệ đói nghèo còn cao (bộ phận dân số có thu nhập dưới 2 USD/ngày). Lào là nước không có biển, cơ sở hạ tầng, nhất là kết nối giao thông ra các cảng biển chưa phát triển, nguồn nhân lực được đào tạo không lớn, Lào ở vị thế bất lợi trong thu hút đầu tư nước ngoài và phát triển các ngành sản xuất hướng xuất khẩu. Về lợi thế tự nhiên, Lào có tiềm năng phát triển rừng, khai khoáng và phát triển thủy điện. Trong khi tài nguyên rừng và mỏ ngày càng cạn kiệt, Lào tập trung khai thác thủy điện, với mục tiêu đưa Lào trở thành “Bình ắc quy của khu vực”. Theo Bộ Năng lượng và Mỏ Lào, tổng công suất thủy điện của Lào lên tới 26,500 MW. Năm 2007, Chính phủ Lào vạch kế hoạch đến 2020 sẽ bán 7000MW cho Thái Lan, 5000 MW cho Việt Nam và 1500 MW cho Cam-pu-chia và kể từ 2008 xuất khẩu điện của Lào đã lên tới 30% kim ngạch xuất khẩu.¹¹ Trong cơ cấu bộ máy chính trị Lào, Bộ Năng lượng và Mỏ là cơ quan có vai trò quan trọng trong việc phát triển

ni%E1%BA%B9m-55-nam-ngay-thiet-lap-quan-he-ngoai-giao-va-40-nam-ngay-ky-hiep-uoc-huu-nghi-va-hop-tac-viet-nam-%E2%80%93-lao.html.

¹¹ Hydro power in Lao PDR, ngày 6/6/2018, <http://www.poweringprogress.org/new/2-uncategorised/3-hydropower-in-lao-pdr>. Độ chính xác của các số liệu này còn cần có kiểm chứng.

Nghiên cứu Quốc tế số 2 (113)

thủy điện. Tuy nhiên, trong tổng thể các nguồn lực phát triển của Lào hiện nay và trong nhiều năm tới, có thể khẳng định rằng, nguồn thu từ thủy điện có ý nghĩa rất lớn. Do đó, dưới góc độ lợi ích quốc gia của Lào, phát triển thủy điện nói chung và trên dòng chính sông Mê Công nói riêng thuộc nhóm lợi ích phát triển chiến lược. Chính vì thế, điều này đã va chạm đến lợi ích của các nước hạ nguồn, các đối tác quốc tế quan tâm đến vấn đề môi trường và phát triển bền vững ở khu vực Mê Công. Tuy ghi nhận quan ngại của các bên về tác động của việc xây đập, Lào vẫn giữ nguyên kế hoạch phát triển hơn 70 đập trên dòng nhánh và 10 đập trên dòng chính sông Mê Công trong những năm tới.

Việc Lào xây dựng các đập thủy điện, nhất là trên dòng chính sông Mê Công, sẽ gây tác động rất lớn đến các nước hạ nguồn. Đã có một số nghiên cứu đánh giá tác động của các đập thủy điện trên dòng chính Mê Công. Các kết quả đưa ra không giống nhau và phụ thuộc nhiều vào lợi ích của người thực hiện, nhưng đa số các đánh giá cho rằng Việt Nam sẽ là nước chịu tác động lớn nhất, nhất là khi tất cả dự án thủy điện trên dòng chính được xây dựng. Sinh kế của hơn 20 triệu người ở đồng bằng sông Cửu Long, nguồn xuất khẩu nông - thủy sản (cơ sở bảo đảm an ninh lương thực quốc gia cho Việt Nam) sẽ bị tác động nghiêm trọng.¹² Như vậy, dưới góc độ lợi ích quốc gia của Việt Nam, việc Lào xây dựng các đập thủy điện trên dòng chính Mê Công đã ảnh hưởng tới lợi ích an ninh và phát triển có tầm quan trọng chiến lược của Việt Nam.

Một vấn đề khác là Việt Nam và Lào không hoàn toàn có chung lợi ích tại Biển Đông. Trong vấn đề Biển Đông, giữa các nước Đông Nam Á có thể chia thành ba nhóm gồm: (1) nhóm các nước liên quan trực tiếp tới tranh chấp, (2) nhóm các nước không liên quan trực tiếp nhưng có lợi

¹² Dự án thủy điện trên dòng chính sông Mê Công: sinh kế của gần 20 triệu người có nguy cơ 'sạt lở', ngày 6/6/2018, <https://baomoi.com/du-an-thuy-dien-tren-dong-chinh-song-me-kong-sinh-ke-cua-gan-20-trieu-nguoi-co-nguy-co-sat-lo/c/22258054.epi>.

ích chiến lược ở Biển Đông và (3) nhóm các nước còn lại. Lợi ích của Việt Nam thuộc nhóm 1 (thậm chí đứng đầu trong nhóm 1. Đó là do chủ quyền của Việt Nam bị tranh chấp. Theo đó, lợi ích an ninh và phát triển liên quan tới biển của Việt Nam bị đe dọa trực tiếp và thường trực. Trong khi đó, Lào thuộc nhóm 3, thậm chí đứng cuối trong nhóm 3 vì Lào là nước Đông Nam Á duy nhất không có biển. Quyền lợi của Lào không bị ảnh hưởng trực tiếp bởi tình hình trên Biển Đông. Ngoài ra, quan hệ của Lào với Trung Quốc cũng khác quan hệ của Việt Nam với Trung Quốc; mức độ lệ thuộc của Lào vào nền kinh tế Trung Quốc và viện trợ của Trung Quốc ngày càng lớn. Đây là nguyên nhân sâu xa làm cho quan điểm của hai bên trong vấn đề Biển Đông không hoàn toàn giống nhau. Lào có thể chia sẻ quan ngại của Việt Nam về tình hình trên Biển Đông nhưng không chung lợi ích, do đó, không chung cách xử lý và tiếp cận về vấn đề Biển Đông. Vì vậy, lập trường của Lào và Việt Nam về vấn đề Biển Đông không hoàn toàn giống nhau trên cả cấp độ song phương và đa phương.

Hai ví dụ trên cho thấy rằng sự khác biệt trong yếu tố lợi ích, cộng với sự thay đổi của các yếu tố khác, đã dẫn tới nhu cầu phải nhận thức lại về tính chất “đặc biệt” của quan hệ Việt - Lào trong tình hình mới. Nói cách khác, cần đánh giá tổng thể sự vận động của các nhân tố tạo nên tính “đặc biệt” của quan hệ Việt - Lào để tìm cách củng cố mối quan hệ đặc biệt trong tình hình mới.

Xây dựng cơ sở của tính “đặc biệt” và duy trì tính “đặc biệt” của quan hệ Việt - Lào trong bối cảnh mới

Theo công trình “Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007)” do Đảng Nhân dân Cách mạng Lào và Đảng Cộng sản Việt Nam hợp tác cùng biên soạn, cơ sở hình thành tính “đặc biệt” của quan hệ hai nước gồm: (i) các điều kiện tự nhiên, địa - chiến lược, địa - quân sự; (ii) các nhân tố kinh tế, dân cư, xã hội, văn hóa và lịch sử; (iii)

truyền thống chống ngoại xâm và sự tự nguyện phối hợp của nhân dân hai nước trong cuộc đấu tranh chống thực dân Pháp và (iv) vai trò của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc/Hồ Chí Minh và Cay-xôn Phôm-vi-hân.¹³

Trong khi tác động từ sự gắn bó về địa lý ít biến đổi theo thời gian thì tác động từ các nhân tố địa chính trị, văn hóa, truyền thống, vai trò của lãnh tụ đang dần thay đổi. Nói cách khác, từ góc độ lợi ích, có thể chia các nhân tố tác động tới quan hệ thành yếu tố bên trong (dân cư, xã hội, kinh tế...) và bên ngoài (bối cảnh quốc tế và khu vực và nhất là chiến lược quốc gia của hai nước và của các quốc gia liên quan). Hệ quả là trong giai đoạn hiện nay đang có sự thay đổi trong cả 3 nhóm gồm (i) các nhân tố địa lý/địa chiến lược; (ii) các vấn đề liên quan đến hoạch định và triển khai chiến lược quốc gia và (iii) các nhân tố khác (lịch sử, truyền thống, văn hóa, sự gắn bó của nhân dân...).

Về địa chiến lược, hiện nay, Đông Dương và Đông Nam Á lục địa đang là địa bàn các nước lớn cạnh tranh ảnh hưởng ngày càng gay gắt. Cả Việt Nam và Lào đều chịu tác động “kéo” và “đẩy” từ các nước lớn liên quan đến trật tự kinh tế/chính trị và an ninh khu vực và thể hiện rõ qua vấn đề Biển Đông và khai thác bền vững nguồn nước sông Mê Công.

Về chiến lược phát triển quốc gia, hai nước đều nỗ lực thực hiện các mục tiêu phát triển trong bối cảnh các tiềm năng nội tại ngày càng hạn hẹp, việc tranh thủ thị trường xuất khẩu và đầu tư nước ngoài thì ngày càng khó khăn. Theo đó, việc hi sinh và giúp đỡ nhau chí tình như trong giai đoạn kháng chiến ngày càng trở nên khó khăn hơn. Việc gia tăng mức độ đan xen lợi ích trong chiến lược phát triển cũng ngày càng hạn chế hơn.

¹³ Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007)* (Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2011): 3-31.

Về yếu tố lịch sử, văn hóa, dân số trẻ (đa phần sinh sau năm 1975) và kết nối với thế giới bên ngoài cộng với mức độ “hướng ngoại” của bộ phận dân số trẻ đã dẫn đến tình trạng suy giảm gắn kết về mặt lịch sử, văn hóa và phần nào là tình cảm giữa hai dân tộc. Trước những thay đổi của thời cuộc, việc giữ gìn hình ảnh của Việt Nam trong lòng nhân dân Lào, nhất là thế hệ trẻ, đang gặp nhiều thách thức.

Hệ quả tổng hợp là sự nhìn nhận khác nhau về lợi ích đã kéo theo sự xác định và theo đuổi lợi ích cũng khác nhau.

Việc gìn giữ tính đặc biệt của quan hệ Việt - Lào, tài sản vô giá của hai dân tộc và hai nước cần được phát huy. Đây không đơn thuần chỉ là sự trân trọng quá khứ và gìn giữ tình cảm sâu đậm mà còn là yêu cầu của hiện tại và mệnh lệnh của lý trí. Đó là vì nếu có cách tiếp cận thích hợp đối với việc đổi mới mối quan hệ đặc biệt này cũng sẽ giúp cả hai nước cùng đạt được lợi ích quốc gia dân tộc trong giai đoạn mới, điều đến lượt nó sẽ có tác động tích cực làm cho tính đặc biệt ngày càng được củng cố, tiếp tục trở thành tài sản để lại cho các thế hệ sau này. Theo đó, Việt Nam cần xem xét các điểm sau:

Thứ nhất, tăng cường nỗ lực xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị và phát triển; gia tăng sự gắn kết giữa các địa phương hai bên biên giới; tạo dựng các cơ chế hữu hiệu để ngăn ngừa và giải quyết các vấn đề nảy sinh về an ninh và phát triển, về các quan hệ xuyên biên giới để gia tăng sự gắn bó mọi mặt và giữ gìn tình cảm tốt đẹp giữa nhân dân hai bên biên giới.

Thứ hai, hai bên cần tìm các lĩnh vực song trùng lợi ích mới để làm nền tảng cho quan hệ song phương. Sự gắn kết đặc biệt giữa hai nước láng giềng chung biên giới cần phải được đề cao. Theo đó, hai bên cần gắn kết hơn nữa chiến lược hội nhập khu vực của Việt Nam và chiến lược biến Lào từ “nước không có biển thành nước kết nối” của Lào nói riêng và tăng cường chiến lược kết nối hai nền kinh tế nói chung. Việt

Nghiên cứu Quốc tế số 2 (113)

Nam cần ưu tiên các dự án kết nối cơ sở hạ tầng (cả hạ tầng cứng và hạ tầng mềm) với Lào, trước hết là các dự án kết nối giao thông, thông tin viễn thông, mạng lưới điện, đường ống dẫn dầu, hài hòa hóa các thủ tục thông quan, kết nối Lào với Biển Đông. Đồng thời, Việt Nam cũng cần khuyến khích và tạo điều kiện cho các ngành, các cấp, các doanh nghiệp tăng cường quan hệ với Lào theo hướng phù hợp với chiến lược phát triển của hai bên.

Thứ ba, tăng cường giáo dục thế hệ trẻ về lịch sử gắn bó giữa hai dân tộc; đồng thời, tập trung vào các nội hàm mới của tính “đặc biệt” trong bối cảnh mới để mọi tầng lớp nhân dân hai nước hiểu rõ rằng, cùng với truyền thống lịch sử, văn hóa, sự gắn bó về địa lý và những lợi ích tương đồng trong chiến lược phát triển sẽ mãi mãi là nhân tố làm cho hai dân tộc gắn bó mật thiết với nhau.

Thứ tư, xác định rõ những vấn đề hai bên có lợi ích không trùng hợp hoặc không hoàn toàn trùng hợp để có “quy tắc ứng xử” phù hợp theo hướng tôn trọng lợi ích của nhau; hiểu và thông cảm cho nhau; tôn trọng luật pháp và tập quán quốc tế, khu vực, nhất là ASEAN; tranh thủ hiệu quả các cơ chế, các kênh hợp tác, cùng quán triệt phương châm “giúp bạn là tự mình giúp mình”. Các khuôn khổ của mối quan hệ đặc biệt phải trở thành cơ chế xây dựng lòng tin và quản lý khủng hoảng khi cần thiết.

Thứ năm, hết sức quan tâm việc giữ gìn và xây dựng hình ảnh của Việt Nam ở Lào. Trong lịch sử, hình ảnh của Việt Nam là những quân tình nguyện bộ đội cụ Hồ, những chuyên gia, cán bộ Việt Nam sang giúp Lào. Ngày nay, hình ảnh của Việt Nam là những doanh nhân, lao động Việt Nam sang làm việc tại Lào, là nước Việt Nam trong ứng xử với Lào, cả trong quan hệ song phương và tại các diễn đàn quốc tế, là Việt Nam qua con mắt của các du học sinh Lào và các sinh viên Lào tốt nghiệp tại Việt Nam về nước. Do đó, cần nhận rõ tầm quan trọng và có chiến lược toàn diện để thực hiện điều này.

Kết luận

Quan hệ hữu nghị và đoàn kết đặc biệt với Lào là tài sản quý báu của dân tộc Việt Nam. Dưới góc độ lợi ích quốc gia - dân tộc, nhân tố quan trọng dẫn đến tính đặc biệt của quan hệ là sự trùng hợp lợi ích. Do đó, để gìn giữ tính đặc biệt đó, cần phải duy trì và gia tăng mức độ trùng hợp về lợi ích giữa hai nước. Trong bối cảnh mới, bên cạnh sự gắn bó tự nhiên do cận kề về địa lý, những điểm tương đồng về hệ thống chính trị và chiến lược phát triển, cần nhận thức là các điểm khác biệt về lợi ích trong quá trình phát triển là điều bình thường.

Điều quan trọng là hai bên tìm ra cách ứng xử phù hợp khi xảy ra các điểm khác biệt. Để gìn giữ tính đặc biệt trong bối cảnh mới, điểm mấu chốt là gia tăng đan xen lợi ích mọi mặt, nhất là các lợi ích phát triển, giữa hai nước có chung biên giới láng giềng. Và quan trọng không kém, mức độ tin tưởng lẫn nhau cao, sự dày đặc của các cơ chế giao lưu, trao đổi, hợp tác - kết quả của mỗi quan hệ được xây dựng từ xương máu của các thế hệ Việt và Lào cần phải được chuyển hóa thành các cơ chế hiệu quả để giúp hai nước quản lý kỳ vọng và quản lý khác biệt để xử lý hài hòa khác biệt, đưa quan hệ đi lên./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930-2007)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2011.
2. Đặng Đình Quý. “Bàn thêm về lợi ích quốc gia, dân tộc trong quan hệ quốc tế.” *Đường lối đối ngoại Đại hội XI*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật, 2011.

Nghiên cứu Quốc tế số 2 (113)

3. Phạm Xuân Sơn, “Vấn đề văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế.” ngày 11/5/2018. <http://ajc.hcma.vn/Nghien-cuu-khoa-hoc/Van-de-van-hoa-trong-boi-can-hoi-nhap-quoc-te/25237.ajc>.
4. Lương Đình Hải, “Xây dựng hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.” ngày 11/5/2018. <https://vass.gov.vn/noidung/tintuc/lists/khoa>
5. “What's the origin of the phrase ‘Special relationship?’.” ngày 11/5/2018. <https://www.phrases.org.uk/meanings/special-relationship.html>.
6. Tara John, “Theresa May and Donald Trump on 5 other ‘special relationships’.” ngày 11/5/2018. <http://time.com/4645140/donald-trump-theresa-may-special-relationships/>.
7. Ban Tuyên giáo Trung ương. *Quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào (1930-2017)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia - Sự thật 2017.
8. Cay-xôn Phôm-vi-hân, Bài phát biểu tại Hội nghị cán bộ toàn quốc ngày 13/5/1974. Tài liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
9. “Lễ kỷ niệm 55 năm Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 40 năm Ngày ký Hiệp ước Hữu nghị và Hợp tác Việt Nam - Lào.” *Báo Nhân dân điện tử*, ngày 1/6/2018.
10. “Hydro power in Lao PDR.” ngày 6/6/2018. <http://www.poweringprogress.org/new/2-uncategorised/3-hydropower-in-lao-pdr>.
11. “Dự án thủy điện trên dòng chính sông Mê Công: sinh kế của gần 20 triệu người có nguy cơ “sạt lở”.” ngày 6/6/2018. <https://baomoi.com/du-an-thuy-dien-tren-dong-chinh-song-me-kong-sinh-ke-cua-gan-20-trieu-nguoi-co-nguy-co-sat-lo/c/22258054.epi>.